

Số: 72/2023/QĐST-DS

Ninh Hải, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 184/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1. Địa chỉ: số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP S1 tại Ninh Thuận (Giấy ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022). Bà T ủy quyền lại cho ông Phạm Ngọc V – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, phòng kiểm soát rủi ro Chi nhánh Ngân hàng TMCP S1 tại Ninh Thuận. Địa chỉ: 757 Thống

Nhất, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (Giấy ủy quyền số 51/2023/GUQ-CNNT ngày 25/9/2023).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966.

Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 1970.

Cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Phan Thái S, sinh năm 1999.

Ông Nguyễn Phan Nhật T1, sinh năm 2002.

Cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Kim N xác nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP S1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 202025616735 ngày 07/9/2020 tính đến ngày 18/12/2023 là 168.485.223 đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*), trong đó:

+ Nợ vốn gốc: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

+ Nợ lãi trong hạn: 8.697.534 đồng (*Tám triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*).

+ Nợ lãi chậm trả: 531.867 đồng (*Năm trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 9.255.822 đồng (*Chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*)

- Ông Nguyễn Ngọc L và bà Phan Thị Kim N đồng ý thanh toán các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 19/12/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S1, thì lãi suất mà ông Nguyễn Ngọc L, bà Phan Thị Kim N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng TMCP S1**.

- Về tài sản thế chấp để bảo đảm khoản tiền vay: Hộ ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Phan Thị Kim N** (các con là **Nguyễn Phan Thái S** và **Nguyễn Phan Nhật T1**) đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 795/TC20 ngày 08/9/2020 tại **Phòng C**, tỉnh Ninh Thuận để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về chi phí tố tụng: Ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Phan Thị Kim N** đồng ý chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 1.400.000 đồng. **Ngân hàng TMCP S1** đã tạm ứng đủ chi phí nên ông **L**, bà **N** có trách nhiệm hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S1** số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- Về án phí: Ông **Nguyễn Ngọc L** và bà **Phan Thị Kim N** đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.212.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm mười hai nghìn đồng, đã làm tròn*) theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho **Ngân hàng TMCP S1** 4.022.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001580 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận; TAND **TỈNH NINH THUẬN**;
- VKSND huyện Ninh Hải; VKSND **Huyện Ninh Thuận**;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải; Chi cục THADS **Huyện Bắc Bắc**;
- Các đương sự; - Chi cục **THADS Huyện Bắc Bắc**;
- Lưu hồ sơ. - Các **đương sự**;
- Lưu **hồ sơ**.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

THẨM

